

Số: /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 75/2024/CV ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec về việc bổ sung, chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Cần Thơ và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, địa chỉ tại số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Cần Thơ, quy mô 500 giường” có địa chỉ tại số 150A, Đường 3 tháng 2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Cần Thơ, quy mô 500 giường.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 150A, Đường 3 tháng 2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0106050554 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 14/11/2016.

1.4. Mã số thuế: 0106050554.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích của dự án: 17.738 m<sup>2</sup>.

- Công suất: 500 giường bệnh.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2024 đến ngày ..... tháng ..... năm 2034).

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở TN&MT thành phố Cần Thơ;
- UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Sở Y tế thành phố Cần Thơ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, O.11.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh nhân viên, bệnh nhân.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ 01 khu vực nhà bếp, nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vực giặt là.
- Nguồn số 05: Nước thải y tế phát sinh từ các khu dịch vụ khám chữa bệnh và các khu chức năng y tế.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:****2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Công thoát nước thải chung của thành phố trên trục Đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại hố ga đầu nổi trên trục Đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1108737; Y = 584318 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 550 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm từ cuối bể khử trùng vào đường ống áp lực HDPE D110 chôn ngầm dọc theo tường rào phía tây dự án, sau đó dẫn vào hố ga đầu nổi trên công thoát nước chung của thành phố trên Đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo chu kỳ xả của bể ASBR, 8 giờ/ngày, 365 ngày/năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	COD	mg/l	50		
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,0		
6	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng coliform	MPN/100 ml	3.000		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
13	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh nhân viên, bệnh nhân (tương ứng với nguồn số 01) được thu gom, dẫn về bể tự hoại (có 04 bể tự hoại có tổng thể tích thiết kế 384 m<sup>3</sup>), sau đó được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 550 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân (tương ứng với nguồn số 02) được thu gom, dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 550 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp, nhà ăn (tương ứng với nguồn số 03) được thu gom, dẫn về bể tách mỡ (có thể tích 50 m<sup>3</sup>), sau đó được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 550 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực giặt là (tương ứng với nguồn số 04) được thu gom, dẫn về bể xử lý sơ bộ (có thể tích 62 m<sup>3</sup>), sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 550 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nước thải y tế phát sinh từ các khu dịch vụ khám chữa bệnh và các khu chức năng y tế (tương ứng với nguồn số 05) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 550 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý sơ bộ nước thải từ khu giặt: Nước thải → Bể chứa (châm axit  $H_2SO_4$  đảm bảo đưa pH của nước thải về khoảng 7,5 - 8,5) → Bể điều hòa hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế  $550 m^3/ngày$ .

- Hóa chất sử dụng:  $H_2SO_4$  (hoặc các hóa chất khác tương đương).

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $550 m^3/ngày$ : Nước thải → Bể điều hòa → Bể selector → Bể xử lý sinh học theo mẻ ASBR → Bể khử trùng → Công thoát nước thải chung của thành phố trên trục Đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Công suất thiết kế:  $550 m^3/ngày$ .

- Hóa chất: Chlorine, NaOH, ri mật (hoặc các hóa chất khác tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử công suất  $550 m^3/ngày$ :

a. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Chuẩn bị sẵn các vật tư/phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

b. Quy trình ứng phó sự cố:

Khi nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $550 m^3/ngày$  phát hiện sự cố nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn cho phép đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực thông qua chỉ số SV30 được đo hàng ngày sẽ tiến hành thực hiện các bước như sau:

- Tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý, thông báo sự việc cho quản lý biết để tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $550 m^3/ngày$  hoạt động trở lại; quay vòng (bơm) nước từ bể khử trùng về bể điều hòa để xử lý lại. Thực hiện lấy và phân tích mẫu nước thải sau bể khử trùng để đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý. Khi chất lượng nước thải đầu ra đáp ứng được các yêu cầu theo quy định sẽ tiến hành mở van xả nước thải.

- Cụm bể xử lý sinh học Selector-ASBR có 02 mô đun hoạt động song song. Trong trường hợp phát hiện một mô đun xử lý nước thải gặp sự cố sẽ tiến hành khóa van nước thải dẫn vào mô đun đó và tiến hành khắc phục sự cố, mô đun còn lại vẫn tiếp tục vận hành bình thường để xử lý nước thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $550 m^3/ngày$  gặp sự cố nghiêm trọng (cả 02 mô đun đều gặp sự cố, chưa thể khắc phục ngay) nhân viên vận hành

thông báo cho quản lý để biết và tiến hành dừng toàn bộ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đồng thời thực hiện việc khóa van xả nước thải ra ngoài môi trường để tiến hành rà soát, kiểm tra các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để có giải pháp khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục sự cố xong, nhân viên vận hành tiến hành lấy mẫu, phân tích đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý, khi chất lượng nước thải đạt yêu cầu thì sẽ tiến hành mở van xả thải để đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Cần Thơ.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 550 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- 01 vị trí tại đầu ra sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

## **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Việc quan trắc nước thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định từng công trình xử lý nước thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đáp ứng giá trị giới hạn tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này ra môi trường.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 01.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 02.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 03.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec tại số 150A, Đường 3 tháng 2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1108684; Y = 584463.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng số 01 công suất 2.000 kVA (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1108809; Y = 584410;

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng số 02 công suất 2.000 kVA (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1108806; Y = 584407.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng số 03 công suất 2.000 kVA (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1108803; Y = 584403.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: 850 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 3.624 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 3.624 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: 3.624 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02, 03, 04: Chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số  $K_p = 1$  và  $K_v = 0,6$ ) (theo đề nghị của Công ty tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>				
1	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	4,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	30		
3	CH <sub>3</sub> SH	mg/Nm <sup>3</sup>	15		
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02, 03, 04</b>				
	Bụi, khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO, chỉ sử dụng dự phòng cho trường hợp mất điện) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu sử dụng là dầu DO phải đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.				

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (tương ứng với nguồn số 01) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải (mùi) để xử lý.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 03 máy phát điện dự phòng (tương ứng với các nguồn số 02, 03 và 04) xả ra môi trường qua 03 ống khói thải riêng của từng máy phát điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải (mùi) → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 850 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các máy phát điện, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải (mùi) để có thể phát hiện và khắc phục sự cố kịp thời.

- Khi xảy ra sự cố đối với thiết bị phát sinh bụi, khí thải thì phải dừng hoạt động các thiết bị có liên quan trực tiếp để xử lý, khắc phục sự cố trước khi cho vận hành trở lại.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.



2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi) công suất 850 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí trên ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải (mùi) theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Việc quan trắc khí thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định từng công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực lắp đặt máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khu vực nhà đặt 03 máy phát điện dự phòng (khi máy hoạt động).
- Nguồn số 03: Khu vực lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy trung tâm.
- Nguồn số 04: Khu vực nhà khí gas và Chiller.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1108684; Y = 584463.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1108801; Y = 584411.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1108790; Y = 584426.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1108707; Y = 584443.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

**3.2. Độ rung:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị. Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên Bệnh viện để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	181.735
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	200
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	15
4	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	15
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	15
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	50
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50
8	Pin, ắc quy thải bỏ	16 01 12	90
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	150
10	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	100
11	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	80
12	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên	12 06 13	54.385
13	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	80
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>236.965</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	36.500
2	Hóa chất thải khác với các loại trên	13 01 06	
3	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 07	
4	Bùn thải từ bể tự hoại		22.000
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>58.500</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 821,25 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, được để tại kho lưu chứa.

2.1.2. Kho chất thải nguy hại:

- 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 21 m<sup>2</sup> và 01 kho lưu giữ chất thải lây nhiễm có diện tích 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho xây tường gạch, có mái che, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, hồ thu, thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Công ty đã xây dựng 01 bể chứa bùn có thể tích thiết kế 175,2 m<sup>3</sup> được đặt tại trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế, cấu tạo: Bể được xây bằng tường gạch, có mái che, nền bê tông chống thấm và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy tại các vị trí thường xuyên phát sinh chất thải rắn sinh hoạt để thu gom sau đó được lưu giữ tại 01 kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 20 m<sup>2</sup> và 01 kho chứa chất thải có thể tái chế có diện tích 20 m<sup>2</sup>. Chất thải rắn sinh hoạt từ khu vực lưu giữ sẽ được Công ty chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, hồ thu, bình bọt chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN:**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình của Dự án “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Cần Thơ, quy mô 500 giường” tại số 150A, Đường 3 tháng 2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (theo Quyết định số 735/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường); không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

2. Bảo đảm an toàn bức xạ đối với thiết bị bức xạ; phòng đặt thiết bị bức xạ; vận hành thiết bị bức xạ; ứng phó sự cố bức xạ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế, Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật về xây dựng trong quá trình thực hiện Dự án.

4. Khí thải phát sinh từ 03 máy phát điện dự phòng (công suất mỗi máy 2.000 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý liên quan đến phạm vi, diện tích của Dự án theo quy định của pháp luật về đất đai và tính pháp lý, kỹ thuật của các hạng mục công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1988/QĐ-

UBND ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển y tế thành phố Cần Thơ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; Công văn số 3276/UBND-KT ngày 25/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải đối với hoạt động xả nước thải vào hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.